



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm công nghiệp công nghệ cao MobiFone – Chi nhánh Đà Nẵng**

Laboratory: **MobiFone High-tech Indusry Center - Da Nang Branch**

Cơ quan chủ quản: **Trung tâm công nghiệp công nghệ cao MobiFone –**

Chi nhánh Tổng công ty viễn thông MobiFone

Organization: **MobiFone High-tech Indusry Center - Branch of Mobifone Corporation**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1182**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**

Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Xuân Thịnh**

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày /10/2030**

Địa chỉ/ **Số 6 Phúc Lý, tổ dân phố Phúc Lý, phường Tây Tựu, Tp. Hà Nội, Việt Nam**

Address: **No. 6 Phuc Ly, Phuc Ly residential group, Tay Tuu ward, Hanoi, Vietnam**

Địa điểm/ **Tầng 9, tòa nhà MobiFone, số 586 Nguyễn Hữu Thọ, phường Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng**

Location: **9th floor, MobiFone building, 586 Nguyen Huu Tho, Cam Le ward, Da Nang city**

Điện thoại/ Tel: **0935112277**

E-mail: **vu.letran@mobifone.vn**

Website: **www.mobifone.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1182

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1	Trạm gốc thông tin di động GSM <i>GSM Base Stations</i>	Đo công suất phát trung bình của sóng mang RF (ở các điều kiện bình thường) <i>Measurement of transmitted RF carrier power (for normal conditions)</i>	(43 ± 2) dBm	QCVN 41:2016/BTTTT
2	Thiết bị trạm gốc di động W-CDMA <i>FDD Base Stations for W-CDMA FDD</i>	Đo công suất ra cực đại của máy phát (ở các điều kiện bình thường) <i>Measurement of maximum allowed RF power (for normal conditions)</i>	(43 ± 2,7) dBm	QCVN 16:2018/BTTTT
3	Thiết bị nguồn -48 VDC dùng cho thiết bị viễn thông	Đo điện áp một chiều <i>Measurement of DC voltage</i>	(42 ~ 59,5) V	TCVN 8687:2011
4	-48 VDC power equipment for telecommunications equipments	Đo dòng điện một chiều <i>Measurement of DC current</i>	Đến/to 65 A	
5	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất (x) <i>Telephone Service on the Public Land Mobile Network</i>	Xác định độ sẵn sàng của mạng vô tuyến. Phương pháp mô phỏng <i>Determination of radio Network Availability. Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples: ≥ 100 000</i>	QCVN 36:2022/BTTTT
6		Xác định tỉ lệ cuộc gọi được thiết lập không thành công <i>Determination of non - success call setup rate</i>		
		- Phương pháp mô phỏng <i>- Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples ≥ 3 000</i>	
		- Phương pháp giám sát <i>- Monitoring method</i>	Thời gian 07 ngày liên tiếp/ <i>Time period 07 consecutive days</i>	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1182

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất (x) <i>Telephone Service on the Public Land Mobile Network</i>	Xác định tỉ lệ cuộc gọi bị rơi <i>Determination of dropped call ratio</i>		QCVN 36:2022/BTTTT
		- Phương pháp mô phỏng <i>- Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> ≥ 3 000	
		- Phương pháp giám sát <i>- Monitoring method</i>	Thời gian 07 ngày liên tiếp/ <i>Time period 07 consecutive days</i>	
8	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất (x) <i>Quality of Internet accessservice on public land mobile network</i>	Xác định độ sẵn sàng của mạng vô tuyến Phương pháp mô phỏng <i>Determination of Radio Network Availability Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> ≥ 100 000	QCVN 81:2019/BTTTT
9		Xác định tỷ lệ truy nhập không thành công dịch vụ. Phương pháp mô phỏng <i>Determination of Service Access unsuccessful Ratio Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> ≥ 1 500	
10		Xác định thời gian trễ trung bình truy nhập dịch vụ. Phương pháp mô phỏng <i>Determination of Service Setup Mean Time Delay Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> ≥ 1 500	
11		Xác định tỷ lệ truyền tải dữ liệu bị rơi Phương pháp mô phỏng <i>Determination of Data Transfer Cut-off Ratio Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> ≥ 1 500	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1182**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
12	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất (x) <i>Quality of Internet accessservice on public land mobile network</i>	Xác định tốc độ tải dữ liệu trung bình: - Tốc độ tải xuống trung bình (P_d) - Tốc độ tải lên trung bình (P_u) Phương pháp mô phỏng <i>Determination of mean data rate Simulation method</i>	Mẫu thử/ <i>Testing samples</i> $\geq 1\ 500$	QCVN 81:2019/BTTTT

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Vietnam National Standard*;
- QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Việt Nam/ *National technical regulation*;
- (x): Các phép thử được thực hiện tại hiện trường/ *Tests are conducted on – site*.

Trường hợp Trung tâm công nghiệp công nghệ cao MobiFone – Chi nhánh Tổng công ty viễn thông MobiFone cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for MobiFone High-tech Indusry Center - Branch of Mobifone Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

